

Bản án số: 85/2022/HS-PT
Ngày 09-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Văn Quyết;

2. Ông Nguyễn Văn Ngừ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/TLPT-HS ngày 28/01/2022 đối với bị cáo Trần Thị H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2021/HS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Họ và tên các bị cáo kháng cáo:

1. **Trần Thị H**, sinh năm 1971 tại huyện T, tỉnh B; Tên gọi khác: H; Nơi ĐKKHKT: Xã Đ, huyện T, tỉnh B; Nơi ở: số nhà X, đường bờ đê Ch, phường L, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 5/12; Con ông Trần Q, sinh năm 1938 và bà Hà Thị T, sinh năm 1941 (đã chết); Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ tư; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2002.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1963 tại thành phố B, tỉnh B; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKKHKT: Xã S, thành phố B, tỉnh B; Nơi ở: Số nhà X, đường bờ đê Ch, phường L, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/10; Con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1942 (đã chết); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964 (đã ly hôn); Con: 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1985.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến nay, bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Hiện bị cáo đã chết.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H (tên gọi khác là Trần Thị H), sinh năm 1971, nơi đăng ký HKTT: xã Đ, huyện T, tỉnh B và Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1963, nơi đăng ký HKTT: xã S, thành phố B, tỉnh B chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại số nhà X, đường bờ đê Ch, phường L, thành phố B, tỉnh B. Khoảng tháng 01/2019, do không có việc làm, không có tiền chi tiêu nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách tự nghĩ ra các dự án nông nghiệp không có thật và giới thiệu cho người khác tham gia dự án, nộp tiền làm hồ sơ, H sẽ chiếm đoạt số tiền này của họ. Để tạo sự tin tưởng cho người khác, H đưa ra thông tin gian dối về việc H có con gái tên là H3 hiện đang công tác tại một tổ chức phi chính phủ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang làm một số dự án nông nghiệp gồm: Dự án làm nhà lưới, dự án thí điểm trồng cam và dự án thí điểm chăn nuôi gà. Quy mô, kinh phí đầu tư, thủ tục, chi phí tham gia các dự án cụ thể như sau: Dự án làm nhà lưới với diện tích đất từ 3.000m² trở lên người tham gia dự án được đầu tư 100% kinh phí xây nhà lưới, chi phí làm hồ sơ người tham gia phải nộp là 15.000.000 đồng/1 dự án; Dự án thí điểm trồng cam với diện tích đất từ 720m² trở lên, người tham gia dự án được hỗ trợ miễn phí số tiền 500.000.000 đồng để sử dụng cho việc thuê đất và tiền công chăm sóc trong thời gian 05 năm, nhà đầu tư sẽ cung cấp cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu...chi phí làm hồ sơ người tham gia phải nộp là 10.000.000 đồng/1 dự án; Dự án thí điểm chăn nuôi gà với diện tích chuồng trại từ 2.000m² trở lên, người tham gia dự án được hỗ trợ miễn phí số tiền 500.000.000 đồng để xây dựng chuồng trại, mua con giống...trong thời gian 05 năm, đến khi gà xuất chuồng được bán cho nhà đầu tư với giá thị trường, chi phí làm hồ sơ người tham gia phải nộp là 10.000.000 đồng/1 dự án. Tất cả các dự án trên không thông qua chính quyền địa phương mà làm việc trực tiếp với người nông dân và không hạn chế người tham gia. Các dự án nếu không được triển khai thực hiện, cam kết sẽ trả lại tiền làm hồ sơ.

Sau khi nghĩ ra cách thức lừa đảo như vậy, H nói cho Nguyễn Văn Kh biết ý định lừa đảo của mình và bảo Kh giúp H tìm người tham gia dự án thì được Kh nhất trí. Do có quen biết từ trước với chị Hoàng Thị H4, sinh năm 1978, ở Phòng X, khu nhà ở sinh viên, đường Hoàng Văn Th, phường D, thành phố B nên Kh nảy sinh ý định giới thiệu chị H4 tham gia dự án. Ngày 08/01/2019, Kh hẹn gặp chị H4 tại quán cà phê Y ở đường Trần Quốc T, phường N, thành phố B. Tại đây Kh giới thiệu cho chị H4 biết Kh có con gái tên là H3 hiện đang công tác tại một tổ chức phi chính phủ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang làm dự án nhà lưới. Tiếp đó Kh trao đổi với chị H4 về quy mô, kinh phí đầu tư, thủ tục, chi phí tham gia dự án và lợi ích thu được nếu tham gia như H đã trao đổi với Kh, đồng thời bảo H4 tìm được ai tham gia thì giới thiệu. Kh mời chị H4 hôm sau về nhà mình để trao đổi cụ thể hơn về dự án thì chị H4 nhất trí. Tin tưởng dự án làm nhà lưới Kh giới thiệu là có thật nên buổi sáng ngày 09/01/2019, chị H4 gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 ở thôn N, xã D, thành phố B nói cho biết về dự án làm nhà lưới như Kh đã giới thiệu thì được ông L nhất trí và bảo H4

đưa xuống nhà Kh để nói chuyện vì ông Lạng cũng đang có nhu cầu muốn làm nhà lưới. Khoảng 11 giờ cùng ngày, chị H4 và ông Lạng đến nhà Kh thì có Kh và H ở nhà. Kh có mời hai người ở lại nhà Kh ăn cơm trưa. Trong lúc ăn cơm, Kh có nói chuyện với ông Lạng về dự án nhà lưới như H đã trao đổi thì được ông Lạng cho biết đang có nhu cầu làm 02 nhà lưới và hẹn Kh khi nào làm sẽ trao đổi cụ thể. Sau khi ăn cơm xong, H nói chuyện riêng với chị H4 về dự án nhà lưới và giới thiệu có con gái tên H3 làm việc tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên mới có thông tin về các dự án như vậy. H bảo chị H4 có ai tham gia dự án thì giới thiệu thì được chị H4 nhất trí. Sau đó thì chị H4 và ông Lạng ra về. Trên đường về, ông Lạng cho chị H4 biết vì dự án làm nhà lưới không thông qua chính quyền địa phương nên ông Lạng không tham gia.

Về phía chị H4 do tin tưởng Kh và H nên khi về nhà, H4 đã thông báo cho một số bạn bè, người thân về dự án làm nhà lưới như Kh và H đã giới thiệu cho H4 và rủ họ tham gia gồm: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961 ở phố C, xã D, thành phố B; chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976; chị Phạm Thị Th, sinh năm 1983; ông Nguyễn Văn Đôn (bố chồng H4), sinh năm 1955, chị Phạm Thị Th (em dâu H4), sinh năm 1983 đều ở thôn N, xã D, thành phố B; anh Hoàng Văn M, sinh năm 1978; ông Hà Văn Kh, sinh năm 1961; ông Hoàng Văn C (bố đẻ H4), sinh năm 1953; anh Hoàng Văn L (em ruột H4), sinh năm 1987 đều ở thôn C, xã M, huyện Lạng Giang; anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1979 ở thôn C, xã M, huyện Lạng Giang; ông Lương Đức Kh, sinh năm 1968 ở thôn V, xã Đ, huyện Y. Sau đó, anh Th giới thiệu cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984 ở Phòng X, chung cư H, đường T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội và anh Hà Đức Ph, sinh năm 1985 ở cùng thôn biết về dự án; ông Khỏe giới thiệu cho ông Lê Văn T, sinh năm 1968 ở cùng thôn biết về dự án.

Sau khi biết được thông tin về dự án làm nhà lưới do chị H4 giới thiệu, có một số người đồng ý tham gia và nộp tiền cho H4 làm hồ sơ cụ thể:

Ngày 15/01/2019, anh Tạo đã đưa cho chị H4 15.000.000 đồng tiền làm hồ sơ để nộp cho anh Tạo, anh Ph và anh Th cùng nhau tham gia làm chung dự án, sau đó H4 đưa cho H số tiền này.

Ngày 18/01/2019, anh M đưa cho chị H4 15.000.000 đồng tiền làm hồ sơ, sau đó chị H4 đem số tiền này và tự bỏ ra số tiền 60.000.000 đồng nộp cho ông C, anh L, ông Đôn và chị Thủy để làm 4 hồ sơ mang đến đưa cho H.

Ngày 19/01/2019, chị H4 tự bỏ ra số tiền 15.000.000 đồng để nộp cho chị Son làm hồ sơ và mang đến đưa cho H

Ngày 21/01/2019, chị H4 tự bỏ ra số tiền 30.000.000 đồng để nộp cho anh Công, ông Khoa, ông Khỏe và ông Kh để làm 02 hồ sơ và mang đến đưa cho H.

Ngày 23/01/2019, chị H4 tự bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng để nộp cho ông T làm hồ sơ và mang đến đưa cho H.

Ngoài ra, ngày 24/01/2019, H nói dối chị H4 về việc có 01 hồ sơ của người dân ở huyện Việt Yên không có tiền nộp và đề nghị chị H4 và H mỗi người nộp một nửa tiền để làm hồ sơ thì được H4 đồng ý và đưa cho H số tiền 8.000.000 đồng.

Sau khi nộp tiền cho mọi người để tham gia dự án làm nhà lưới, chị H4 viết tay danh sách những người tham gia dự án và số tiền tương ứng đã nộp để làm hồ

sơ với tổng số tiền là 148.000.000 đồng. H ký tên xác nhận việc nhận tiền theo danh sách H4 viết với tên Trần Thị H và cam kết dự án sẽ được thực hiện trong tháng 4/2019.

Sau đó H tiếp tục có ý định chiếm đoạt tiền của H4 nên ngày 11/02/2019, H gọi điện thoại cho H4 nói cho H4 biết về hai dự án là dự án thí điểm trồng cam và dự án thí điểm chăn nuôi gà. H giới thiệu cho H4 biết về quy mô, kinh phí đầu tư, thủ tục, chi phí tham gia các dự án và lợi ích thu được nếu tham gia như đã trao đổi với Kh và cam kết nếu các dự án không được thực hiện thì sẽ trả lại tiền, đồng thời bảo H4 nếu có ai tham gia thì giới thiệu nên được chị H4 nhất trí. Sau đó, chị H4 giới thiệu về dự án thí điểm chăn nuôi gà cho ông Phạm Văn Q, sinh năm 1956 ở thôn C, xã Đ, huyện Y thì được ông Q nhất trí tham gia và nộp cho chị H4 số tiền 10.000.000 đồng. Tiếp đó chị H4 giới thiệu về dự án thí điểm trồng cam cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963 ở Th, xã Tr, huyện L; bà H giới thiệu cho bà Ng, sinh năm 1966 ở cùng thôn và ông Hoàng Văn D, sinh năm 1968 ở thôn T, xã Q, huyện L biết về dự án thì bà H, bà Ng và ông D đều nhất trí tham gia và nộp cho chị H4 tổng số tiền là 30.000.000 đồng để làm 3 hồ sơ tham gia dự án thí điểm trồng cam. Sau khi nhận được tổng số tiền 40.000.000 đồng từ bốn hộ gia đình trên, chị H4 đã mang đến và đưa cho H, đồng thời viết tay danh sách những người tham gia dự án và số tiền tương ứng đã nộp để làm hồ sơ là 40.000.000 đồng thì được H ký tên xác nhận với tên là Trần Thị H.

Để những người đã nộp tiền làm hồ sơ tham gia dự án thêm tin tưởng, H tự nghĩ ra việc đi thăm định các dự án thí điểm trồng cam và dự án thí điểm chăn nuôi gà bằng cách sẽ thông báo cho người tham gia và nói dối là có đoàn thăm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thăm định thực tế. Đối với dự án thí điểm trồng cam sẽ chụp ảnh diện tích vườn và lấy mẫu đất, đối với dự án thí điểm chăn nuôi gà sẽ chụp ảnh diện tích đất xây chuồng trại. Buổi tối ngày 05/3/2019, H bảo Kh gọi điện thoại cho chị H4 thông báo là ngày 06/3/2019 có đoàn thăm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thăm định, bảo chị H4 thông báo cho người tham gia dự án biết. Kh thấy có thể lợi dụng lý do đi thăm định để lừa thêm tiền của người tham gia dự án nên trong quá trình gọi điện cho chị H4, ngoài việc thông báo nội dung như H đã trao đổi thì Kh còn tự ý yêu cầu chị H4 bảo mỗi hộ tham gia dự án chuẩn bị số tiền 3.000.000 đồng để bồi dưỡng đoàn thăm định. Việc này Kh không cho H biết. Buổi sáng ngày 06/3/2019, H bảo Kh thuê xe ô tô tự lái rồi cùng H đi thăm định. Sau đó, Kh điện thoại cho H4 nói dối là đoàn thăm định có 3 người nhưng đi thăm định ở nhiều nơi nên ủy quyền cho Kh và H đi thăm định và bảo chị H4 đưa đi. Tiếp đó, Kh và H đi đến đón chị H4 lên huyện L để thăm định thực tế tại gia đình ông D, bà H và bà Ng. Quá trình thăm định, H yêu cầu từng người đưa ra vườn xem thực tế rồi giả vờ lấy mẫu đất ở vườn để gửi xét nghiệm và bảo Kh dùng điện thoại chụp ảnh diện tích vườn. Sau khi đã thăm định xong tại ba hộ gia đình trên thì quay về nhà bà H uống nước. Quá trình ngồi uống nước, chị H4 gọi riêng bà H ra ngoài và thông báo mỗi hộ chuẩn bị 3.000.000 đồng, tổng số là 9.000.000 đồng để bồi dưỡng đoàn thăm định. Sau đó, bà H gọi riêng bà Ng và ông D ra ngoài sân nói về việc mỗi hộ bồi dưỡng đoàn thăm định 3.000.000 đồng thì được tất cả đồng ý và bảo bà H ứng ra trước rồi bà Ng và ông D trả bà H sau. Khi mọi người quay lại uống nước, H nói với bà H là muốn đi tham

quan vườn cam nhà bà H thì được ông D đưa H đi ra vườn xem. Lúc này trong phòng khách nhà bà H còn lại Kh, chị H4, bà H và bà Ng. Bà H đi lấy số tiền 9.000.000 đồng cho vào 3 phong bì, mỗi phong bì 3.000.000 đồng đưa cho Kh để bồi dưỡng đoàn thẩm định. Kh nói với bà H là cho vào 9 phong bì, mỗi phong bì 1.000.000 đồng và viết tên từng người để Kh về đưa lại cho đoàn thẩm định. Sau khi lấy 9 phong bì, bà H viết tên từng người vào phong bì, cho vào mỗi phong bì 1.000.000 đồng rồi đưa cả 9 phong bì này cho chị H4 đưa lại cho Kh, Kh cầm và đút vào cặp sách của mình. Mọi người tiếp tục ngồi uống nước tại nhà bà H khoảng 15 phút sau thì H và ông D quay lại. Trước khi về, Kh và H cam kết với mọi người dự án sẽ được thực hiện trong tháng 7/2019. Sau đó Kh, H và chị H4 tiếp tục đi sang huyện Yên Thế, đến nhà ông Q để thẩm định. Quá trình di chuyển, do H say xe nên khi đến nhà ông Q, H ngồi lại trong xe mà không vào nhà ông Q. Kh và H4 vào gặp ông Q để thẩm định. Quá trình thẩm định, Kh dùng điện thoại chụp ảnh diện tích vườn dự định xây dựng chuồng trại chăn nuôi gà nhà ông Q. Sau đó, Kh và chị H4 vào nhà ông Q uống nước. Tại đây, theo ông Q và H4 khai Kh có bảo với ông Q bồi dưỡng đoàn thẩm định 3.000.000 đồng, ông Q nhất trí và đưa số tiền này cho Kh, Kh nhận tiền và cam kết dự án được thực hiện trong tháng 7/2019, sau đó mọi người ra xe về.

Đến cuối tháng 4/2019, chị H4 không thấy dự án làm nhà lưới được thực hiện nên đã gọi điện thoại cho H hỏi về dự án thì được H bảo là dự án thực hiện ở nhiều nơi, ưu tiên miền Trung trước và bảo chờ đến tháng 09/2019 thì dự án sẽ được thực hiện. Đến cuối tháng 07/2019, không thấy dự án thí điểm trồng cam và dự án thí điểm chăn nuôi gà được thực hiện nên chị H4 tiếp tục gọi điện thoại cho H để hỏi nhưng không liên lạc được với H nên chị H4 gọi điện thoại cho Kh hỏi thì được Kh trả lời là phải chờ sếp đi công tác về giải quyết. Đến tháng 09/2019, vẫn không thấy dự án nào được thực hiện nên chị H4 gọi điện thoại nhiều lần cho H và Kh đều không được. Chị H4 đến nhà gặp H thì được H hẹn đến quý I/2020 thì các dự án sẽ được thực hiện. Chị H4 nói lại cho những người tham gia dự án biết việc này thì ông Q xin rút hồ sơ không tham gia dự án nữa và yêu cầu chị H4 trả tiền. Chị H4 đã tự bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng trả lại cho ông Q. Đến tháng 1/2020, chị H4 gọi điện cho H nhiều lần để hỏi về dự án nhưng không liên lạc được. H đã chặn số điện thoại và Zalo của chị H4 nên chị H4 gọi điện cho Kh thì được Kh bảo là phải chờ sếp. Đến tháng 05/2020, chị H4 tiếp tục gọi điện thoại cho H không được nên gọi cho Kh hỏi về dự án thì được Kh trả lời là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên dự án hoãn lại đến tháng 06/2020 ai không tham gia dự án thì lấy tiền về. Tháng 06/2020, không thấy dự án nào được thực hiện nên chị H4 cùng mọi người thống nhất không tham gia nữa và chị H4 thông báo cho Kh biết mọi người không tham gia các dự án nữa, yêu cầu H và Kh trả tiền. Kh đồng ý và hẹn đến tháng 07/2020 thì trả tiền. Đến hẹn, chị H4 gọi điện thoại cho H yêu cầu trả tiền nhưng không liên lạc được nên gọi điện cho Kh hỏi thì Kh bảo đến gặp H lấy tiền. Chị H4 đến gặp H yêu cầu trả tiền, H nói dối là chưa lấy được tiền về và hẹn với chị H4 là đến tháng 07/2021 thì sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng chị H4 không đồng ý và yêu cầu H trả lại toàn bộ số tiền H đã nhận của H4 để tham gia các dự án. Tuy nhiên, H chỉ trả cho H4 được tổng số 13.000.000 đồng, sau đó không trả tiền cho H4 nữa.

Ngày 18/02/2021, chị H4 có đơn trình báo Công an thành phố B và giao nộp các tờ giấy viết tay mà H ký nhận tiền của chị H4 khi tham gia các dự án để phục vụ công tác xác minh, điều tra. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên tài liệu đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 870/KL-KTHS ngày 26/5/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B kết luận: chữ ký, chữ viết của Trần Thị H (Trần Thị H) trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 14/6/2021, Cơ quan điều tra thu giữ của chị Hoàng Thị H4 một chiếc USB, dung lượng 2GB có lưu trữ một file ghi âm, thời gian là 12 phút 21 giây ghi lại nội dung đoạn hội thoại của Kh trao đổi với mọi người về dự án thí điểm trồng cam và một chiếc USB, dung lượng 2GB có lưu trữ một file ghi âm, thời gian là 45 giây ghi lại nội dung hội thoại của Kh trao đổi với ông Q về dự án thí điểm chăn nuôi gà.

Ngày 25/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt tạm giam, khám xét chỗ ở đối với Trần Thị H và Nguyễn Văn Kh, thu giữ đồ vật tài sản sau đây:

- Thu giữ của Trần Thị H một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, đã qua sử dụng, điện thoại lắp sim số 0332028706; một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 98B2-968.15, đã qua sử dụng; một CMND số: 1223X414, mang tên Trần Thị H; một sổ hộ khẩu số: 0402564X, mang tên chủ hộ Trần Thị H; một CMND số: 121707824, mang tên Trần Thị H (bản phô tô); một sổ hộ khẩu số: 040284186, mang tên chủ hộ Trần Thị H (bản phô tô công chứng), một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 117140, mang tên Dương Thị L;

- Thu giữ của Nguyễn Văn Kh một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số sê ri: 35316117123227, điện thoại lắp sim số: 0976639232; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, đã qua sử dụng, điện thoại lắp sim số: 0963959583; một CMND số: 120954033, mang tên Nguyễn Văn Kh; một chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORADO, màu sơn: xám, biển số: 98C- 191.31, đã qua sử dụng; một giấy chứng nhận kiểm định số: 7500435; một bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 043989 của xe ô tô, biển số: 98C - 191.31.

Ngày 29/6/2021, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, giám định file ghi âm trong USB chị H4 giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số 1177/KL-KTHS, ngày 26/7/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định. Có tiếng nói của bị can Nguyễn Văn Kh trong hai tệp âm thanh mẫu cần giám định. Không giám định được tiếng nói của bị can Trần Thị H trong file ghi âm thời gian 12 phút 21 giây được lưu trữ trong một chiếc USB dung lượng 2GB gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, chị H4 và ông Q đều khai ông Q có đưa cho Kh số tiền 3.000.000 đồng để bồi dưỡng đoàn thẩm định. Tuy nhiên, Kh khai không nhận số tiền này, không yêu cầu ông Q đưa tiền để bồi dưỡng đoàn thẩm định. Cơ quan điều tra đã đối chất giữa Kh và ông Q, giữa Kh và chị H4 nhưng các bên đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của ông Q và chị H4 ra thì không còn chứng cứ

nào khác nên không đủ căn cứ để xác định Kh chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng của ông Q.

Quá trình điều tra, bà H khai Kh có gọi điện cho bà H bảo làm thêm 2 dự án thí điểm trồng cam, bà H rủ ông D tham gia cùng thì cả hai cùng nhất trí tham gia. Sau đó bà H cùng bà Ng mang số tiền 20.000.000 đồng của bà H và ông D nộp để tham gia 02 dự án đưa cho chị H4. Sau khi nhận tiền, chị H4 khai hẹn Kh đến công trường THCS xã D, thành phố B và chị H4 đưa số tiền trên cho Kh, quá trình đưa tiền giữa H4 và Kh không viết giấy tờ gì cũng không có ai chứng kiến. Tuy nhiên, Kh không thừa nhận việc bảo bà H tham gia thêm 2 dự án thí điểm trồng cam, Kh cũng không thừa nhận việc nhận số tiền 20.000.000 đồng từ H4. Cơ quan điều tra đã đối chất giữa Kh và bà H, giữa Kh và chị H4 nhưng các bên đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của bà H và chị H4 ra thì không còn chứng cứ vật chất nào khác xác định hành vi chiếm đoạt 20.000.000 đồng của Kh nên không đủ căn cứ để xác định Kh chiếm đoạt số tiền này.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng Kh chiếm đoạt của ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị H và bà Ng, Kh khai là do Kh tự nghĩ ra việc yêu cầu người tham gia dự án bồi dưỡng đoàn thẩm định để chiếm đoạt tiền của những người trên, H không biết, không được bàn bạc cũng không chỉ đạo Kh làm việc này. H khai H toàn không biết về nội dung trên nên không có căn cứ để xác định H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 9.000.000 đồng Kh chiếm đoạt của các bị hại nêu trên.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORADO, màu sơn: xám, biển số: 98C-191.31, đã qua sử dụng cùng các giấy tờ kèm theo gồm một giấy chứng nhận kiểm định số: 7500435; một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 043989 của xe ô tô, biển số: 98C-191.31 (bản phô tô công chứng), quá trình điều tra xác định là tài sản Kh thuê của ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1972, nơi cư trú số nhà 19, đường Ch, phường L, thành phố B để đi lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho ông Nguyễn Văn Sơn.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 98B2 - 968.15, đã qua sử dụng và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 117140, mang tên Dương Thị L, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị H3 (con gái H), sinh năm 1990 số nhà 04, ngõ 189, đường Xương Giang, phường N, thành phố B. Chị H3 mua chiếc xe này của chị Dương Thị L, sinh năm 1983 ở thôn Đ, xã X, huyện Lạng Giang, tuy nhiên chưa sang tên và cho H mượn để làm phương tiện đi lại không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị H3.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị can đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả. Cụ thể, chị Nguyễn Thị H3 là con gái bị cáo H đã bồi thường cho chị H4 toàn bộ số tiền mà các bị can chiếm đoạt, đến nay chị H4 đã H trả lại toàn bộ số tiền làm hồ sơ tham gia các dự án và tiền bồi dưỡng đoàn thẩm định cho những người tham gia, chị H4 và những người tham gia các dự án không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời chị H4 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Chị H3 không yêu cầu các bị cáo phải H trả chị H3 số tiền đã bồi thường cho chị H4.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm: một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, đã qua sử dụng, lắp sim số 0332028706 (thu của Trần Thị H); một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số sê ri: 35316117123227, lắp sim số: 0976639232, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, đã qua sử dụng, lắp sim số: 0963959583 (thu của Nguyễn Văn Kh); một CMND số: 120954033, mang tên Nguyễn Văn Kh; một CMND số: 1223X414, mang tên Trần Thị H; một sổ hộ khẩu số: 0402564X, mang tên chủ hộ Trần Thị H; một CMND số: 121707824, mang tên Trần Thị H (bản phô tô); một sổ hộ khẩu số: 040284186, mang tên chủ hộ Trần Thị H (bản phô tô công chứng) được nhập kho vật chứng Công an thành phố B để xử lý theo quy định.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2021/HS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử và quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17; Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Xử phạt bị cáo Trần Thị H 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2022 bị cáo Nguyễn Văn Kh làm đơn kháng cáo; đến ngày 06/01/2022 bị cáo Trần Thị H làm đơn kháng cáo, cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Theo thông báo người bị tạm giam chết số 378/TB-TTG ngày 15/4/2022 của Trại Tạm giam Công an tỉnh B thì bị cáo Nguyễn Văn Kh đã chết hồi 07 giờ 00 ngày 15/4/2022 tại Bệnh Viện đa khoa tỉnh B.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 09/6/2022, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; lý do trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tác động với gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2022 bị cáo Trần Thị H đã tác động con gái là chị Nguyễn Thị H3 nộp đủ 10.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời người bị hại là chị Hoàng Thị H4 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị H: Sửa bản án sơ thẩm.

Giảm mức hình phạt tù cho bị cáo Trần Thị H từ 05 năm tù xuống 03 năm 06 tháng tù. Án phí phúc thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Thông báo số 378/TB-TTG ngày 15/4/2022 của Trại Tạm giam Công an tỉnh B, bị cáo Nguyễn Văn Kh đã chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B vào hồi 07 giờ 00' ngày 15/4/2022, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên đề nghị HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị H nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm công dân tốt và sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Trần Thị H, HĐXX thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019, Trần Thị H và Nguyễn Văn Kh bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối về các dự án làm nhà lưới, dự án thí điểm trồng cam và dự án thí điểm chăn nuôi gà, đã cùng nhau có hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 1Y.000.000 đồng của chị Hoàng Thị H4. Cụ thể: Đối với dự án làm nhà lưới, H và Kh đã chiếm đoạt của chị H4 tổng số tiền là 148.000.000 đồng; Đối với dự án thí điểm trồng cam, H và Kh đã chiếm đoạt của H4 tổng số tiền là 30.000.000 đồng; Đối với dự án thí điểm chăn nuôi gà, H và Kh đã chiếm đoạt của chị H4 số tiền là 10.000.000 đồng. Ngoài ra, trong ngày 06/3/2021, Nguyễn Văn Kh còn có một mình thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng của những người tham gia dự án thí điểm trồng cam gồm: ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị H và bà Ng. Trần Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền đã chiếm đoạt của bị hại là 1Y.000.000 đồng. Nguyễn Văn Kh chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại là 197.000.000 đồng.

Vì vậy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

[3]. Về vai trò của bị cáo, HĐXX thấy bị cáo Trần Thị H là người khởi sự hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng số tiền bị cáo chiếm đoạt thấp hơn so với đồng phạm trong vụ án.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tác động với gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ tháng 1/2019 đến tháng 3/2019, bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2022 bị cáo Trần Thị H đã tác động con gái là chị Nguyễn Thị H3 nộp đủ 10.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời người bị hại là chị Hoàng Thị H4 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi L hình.

[7]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh đã chết trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ khoản 7 Điều 157, và điểm d khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 359 BLTTHS; tiết b.2 tiểu mục b và tiểu mục c mục 1 phần II Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/12/2000 hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS khi bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Trần Thị H được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù cho bị cáo Trần Thị H.

Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17; Điều 47; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021.

Căn cứ khoản 7 Điều 157 và điểm d khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 359 BLTTHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2021/HS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Về xử lý tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm: Xác nhận bị cáo Trần Thị H đã nộp đủ: 10.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000675 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu